

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ III/2023**

Thực hiện Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 10/12/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Thông báo số 03/TB-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa; công văn số 1356/STTT-CNTT ngày 02/6/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023. UBND huyện Yên Định báo cáo kết quả thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2023 với những nội dung sau:

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Công tác triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh và các kế hoạch liên quan về chuyển đổi số.

UBND huyện Yên Định, Ban Chi đạo chuyển đổi số huyện Yên Định đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch và các văn bản liên quan đến chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Danh sách các văn bản đã ban hành, cụ thể tại phụ lục kèm theo.

(Kèm theo phụ lục: Danh sách các văn bản đã ban hành)

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Số hội nghị, hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số: UBND huyện đã phối hợp với Viễn thông Yên Định cùng với UBND các xã, thị trấn tổ chức các Hội nghị tập huấn nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Tổng số Hội nghị tập huấn trong 6 tháng đầu năm 2023 đã được tổ chức là: 10 Hội nghị tập huấn tại các đơn vị xã, thị trấn (gồm: Yên Trường, Yên Thái, Yên Phong, Yên Trung, Yên Hùng, Yên Ninh, Định Long, Định Hưng, Định Hòa, Định Công).

- Số tin, bài, sự kiện và các văn bản về Chuyển đổi số đăng tải trên chuyên mục Chuyển đổi số trang thông tin điện tử của huyện là: 20 tin, bài, sự kiện.

- Số tin, bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp huyện đạt mức 20 tin, bài/ tháng.

- Số tin, bài, sự kiện và các văn bản về Chuyển đổi số đăng tải trên chuyên mục Chuyển đổi số trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn bình quân là: 9 tin, bài, sự kiện/ xã (thị trấn).

- Số tin, bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp xã đạt mức 8 tin,

bài, sự kiện/ xã (thị trấn). Mỗi tin, bài được phát đi, phát lại theo lịch phát sóng.

- Tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân (qua kênh Zalo chuyển đổi số quốc gia) để cập nhật thông tin mới nhất về chuyển đổi số.

3. Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của tỉnh và các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Ban chỉ đạo chuyển đổi số đã tham mưu cho UBND huyện tổ chức lớp tập huấn cho BCĐ chuyển đổi số cấp huyện và hoàn thành tập huấn cho 10 đơn vị xã, thị trấn trong tháng 6 gồm: Định Bình, Định Liên, Định Hưng, xã Định Hòa, xã Yên Phong, xã Yên Thái, xã Yên Trung, xã Yên Trường, TT Yên Lâm, TT Quý Lộc, thực hiện hoàn thành chuyển đổi số năm 2023.

Đến nay, 26/26 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công nghệ số cộng đồng gồm 149 tổ; tổng số thành viên các tổ là 607 thành viên; công tác chuyển đổi số tại huyện đã và đang từng bước có những chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Kết quả cụ thể như sau:

a. Hạ tầng kỹ thuật.

- Các trang thiết bị và hạ tầng CNTT của các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và UBND các xã, thị trấn đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, kết nối ổn định, thông suốt; 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được trang bị máy vi tính; 100% các đơn vị đã có mạng LAN, các máy tính được kết nối mạng Internet băng thông rộng phục vụ công tác chuyên môn.

- Tổ chức triển khai đầy đủ bốn giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn từ trung ương đến cấp xã.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được phủ đến các hộ gia đình đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện tại 26/26 xã, thị trấn có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương.

- Điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trên địa bàn các xã, thị trấn đã được lắp đặt với tổng số 159 điểm phát/ 26 xã, thị trấn.

(Còn 9 xã, thị trấn chưa lắp đặt ở các nhà Văn hóa thôn: Yên Thọ, Yên Thịnh, Yên Phú, Yên Ninh, Yên Hùng, TT Quý Lộc, Định Thành, Định Tăng, Định Hải)

- Hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát an toàn giao thông và an ninh: Toàn huyện có 17 hệ thống/290 điểm/694 mắt được lắp đặt tại 17 xã, thị trấn.

(Đã có báo cáo tại công văn số 1891/UBND-VHTT ngày 05/06/2023 về báo cáo rà soát điểm cung cấp mạng wifi và hệ thống camera giám sát huyện Yên Định)

- Toàn huyện có 27 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông/26 xã, thị trấn đã trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.

b. Ứng dụng phục vụ chỉ đạo điều hành

- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của huyện, tỉnh đã được triển khai.

- Các cuộc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND huyện đạt trên 99%; Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã đạt trên 98%.

- Phối hợp triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng; triển khai phòng họp không giấy; duy trì Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp huyện, xã.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Cổng Thông tin điện tử; thư điện tử; Hệ thống thông tin báo cáo. Sử dụng có hiệu quả Hệ thống Quản lý văn bản điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến xã, tạo thành hệ thống liên thông trong việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử trên địa bàn huyện.

- Cấp chứng thư số cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND xã, thị trấn; Cấp 100% chứng thư số cho lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện và lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.

- Hồ sơ công việc tại UBND huyện được tạo lập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng đạt trên 98%; UBND các xã, thị trấn đạt 97%.

c. Ứng dụng phục vụ người dân

- Cổng thông tin điện tử huyện để cung cấp các văn bản chỉ đạo điều hành, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp được duy trì.

- Thực hiện chuẩn hóa tất cả các quy trình thủ tục hành chính nội bộ, điện tử cấp huyện, xã trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh để đảm bảo triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến và liên thông cấp tỉnh, huyện, xã.

- Duy trì, triển khai có hiệu quả phần mềm một cửa điện tử từ cấp huyện đến cấp xã. Toàn huyện có 26/26 xã, thị trấn vận hành phần mềm một cửa điện tử đạt tỷ lệ 100%. Triển khai mô hình một cửa hiện đại tiếp nhận và trả kết quả liên thông tại 26 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Lắp đặt các điểm phát wifi công cộng phục vụ người dân tại các địa điểm quan trọng trên địa bàn các xã, thị trấn: Có 17/26 xã, thị trấn đã lắp đặt với tổng số 159 điểm phát.

d. Ứng dụng phục vụ kinh tế số.

- Ban chỉ đạo số huyện tập trung tham mưu UBND huyện chỉ đạo các ngành: Giáo dục và đào tạo, Lao động thương binh xã hội, Văn hóa và Thông tin, các xã thị trấn và các bộ phận chuyên môn tiếp tục rà soát các chỉ tiêu của đơn vị để thực hiện tốt các nội dung, chỉ tiêu về kinh tế số.

- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã thị trấn trên địa bàn.

- Tỷ lệ số xã, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số và Triển khai hệ thống thông tin CSDL tổng hợp cấp huyện, cấp xã đã và đang triển khai.

- Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP đưa lên sàn thương mại điện tử và được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.

- Ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh ở các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh.

e. Ứng dụng phục vụ xã hội số.

- Hạ tầng viễn thông được các nhà cung cấp dịch vụ đến các thôn, tiểu khu phố trên địa bàn các xã, thị trấn. Hệ thống đường truyền Internet được đảm bảo và kết nối mọi lúc, mọi nơi.

- Hạ tầng băng rộng cáp quang, kết nối internet đã được phủ đến 26/26 xã, thị trấn; Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn huyện.

- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt tỷ lệ 100%.

f. Một số mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong Chuyển đổi số.

Hướng dẫn người dân thanh toán hoá đơn điện tử không dùng tiền mặt, thanh toán các khoản phí, lệ phí khi giao dịch tại bộ phận một cửa thanh toán bằng quét mã QR; thanh toán mua hàng bằng quét mã QR tại các cửa hàng tạp hoá trên địa bàn thị trấn Thống nhất.

4. Nguồn lực dành cho các hoạt động CNTT; chuyển đổi số

a. Nguồn nhân lực

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên cơ sở nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ đảm nhiệm CNTT tại xã, thị trấn.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ, nhân viên trong cơ quan nhà nước và các cơ quan, đơn vị, địa phương chuyển đổi số đến năm 2025.

- Tham mưu xây dựng chương trình đào tạo cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT trong cơ quan nhà nước thành những cán bộ công chức có chuyên môn cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số.

- Xây dựng kế hoạch đưa chương trình chuyển đổi số đào tạo về kiến thức, kỹ năng số cho các cấp học.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho tổ công nghệ số, người dân, doanh nghiệp tiếp cận.

b. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí dành cho chuyển đổi số là chi cho ứng dụng CNTT phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước. Tổng chi Ngân sách nhà nước năm 2023 cho chuyển đổi số: 1 255 682 000 đồng.

(Các QĐ số: 4639/QĐ-UBND ngày 25/12/2022; số: 1795/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND huyện Yên Định)

5. Kết quả thực hiện chuyển đổi số huyện, xã

5.1. Cấp huyện

a. Yêu cầu chung

- Cấp huyện: Có 1 chỉ tiêu là: Tỷ lệ số xã, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số. Huyện có 4 xã, thị trấn đã hoàn thành. Mức độ đạt 15,4%.

b. Chính quyền số

- Cấp huyện: Có 7 chỉ tiêu

+ Đã hoàn thành 04 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1,2,4,5*)

+ Chưa hoàn thành 07 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 3,6,7*)

Cụ thể:

+ Chỉ tiêu về Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của huyện, tỉnh (Tỷ lệ 100%). **Đạt.**

+ Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của huyện, tỉnh (Tỷ lệ 100%). **Đạt**.

+ Tỷ lệ các cuộc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (tỷ lệ 40%). **Chưa đạt**.

+ Tỷ lệ dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (Tỷ lệ 100%). **Đạt**

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính. **Đạt**

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất (tỷ lệ trên 99%). **Chưa đạt**

+ Có trung tâm điều hành thông minh phù hợp với cấp huyện. **Chưa có**

c. Kinh tế số

- Cấp huyện: Có 3 chỉ tiêu

+ Đã hoàn thành 02 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 2,3*)

+ Chưa hoàn thành 01 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1*)

d. Xã hội số

- Cấp huyện: Có 3 chỉ tiêu

+ Đã hoàn thành 02 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1, 2*)

+ Chưa hoàn thành 01 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 3*)

(Chi tiết Kết quả chuyển đổi số cấp huyện theo công văn số 891 có phụ lục 1 kèm theo)

5.2. Cấp xã:

a. Chính quyền số

- Cấp xã: có 11 chỉ tiêu

+ Đã hoàn thành 06 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 5, 6,7,8,9,10*)

+ Chưa hoàn thành 05 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1, 2,3,4, 11*)

b. Kinh tế số

- Cấp xã. (*có 6 chỉ tiêu*)

+ Đã hoàn thành 05 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1, 2, 3, 4,6*)

+ Chưa hoàn thành 01 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 5*)

c. Xã hội số

- Cấp xã. có 5 chỉ tiêu:
- + Đã hoàn thành 03 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1, 3, 4,5*)
- + Chưa hoàn thành 02 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 2*)

d. Hạ tầng nền tảng số

- Cấp xã. có 8 chỉ tiêu:
 - + Đã hoàn thành 05 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 8*)
 - + Chưa hoàn thành 03 chỉ tiêu (*chỉ tiêu 5,6,7*)
- (Chi tiết Kết quả chuyển đổi số tại đơn vị cấp xã theo công văn số 2115 có phụ lục 2 kèm theo)*

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến xã triển khai hiệu quả phần mềm một cửa điện tử, phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho tổ chức, công dân.

- Việc triển khai chữ ký số trong hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện đã đem lại những kết quả tích cực góp phần hiện đại hóa nền hành chính công.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã được triển khai kết nối, sử dụng tại các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã.

- Triển khai phòng họp không giấy tờ tại các cơ quan nhà nước, nhằm tiết kiệm chi phí và đa dạng hóa các hình thức làm việc.

2. Khó khăn.

- Công nghệ là yếu tố quan trọng trong chuyển đổi số, tuy nhiên nó chưa phải là yếu tố quan trọng nhất. Nhận thức, tư duy của người đứng đầu mới là yếu tố cốt lõi nhất trong quá trình chuyển đổi số.

- Để chuyển đổi số hoàn thiện thường kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu từ đó chi phí từ đó cũng tăng theo. Quy trình chuyển đổi số cần khoảng thời gian tối thiểu từ 2-5 năm để mang lại hiệu quả thấy rõ. Đây là một chiến lược dài hạn, cần sự đầu tư về thời gian, chi phí nhiều.

- Bước vào quy trình chuyển đổi số, nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến quá trình chuyển đổi số. Khi nguồn nhân lực bị thiếu hụt, mô hình chuyển đổi số sẽ rất khó thành công vì không có nhân lực thực hiện, triển khai.

- Kinh phí dành cho việc thực hiện chuyển đổi số ở cơ sở còn hạn chế, khó khăn cho việc thực hiện.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chương trình chuyển đổi số để thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của huyện nhằm tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trên địa bàn huyện trong việc chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để thu hút, định hướng người dân, doanh nghiệp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, tham gia xây dựng chính quyền số, tạo sự đồng thuận trong xã hội và toàn hệ thống chính trị.

Tiếp tục triển khai cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4. Tăng cường quản lý, giám sát an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu.

2. Tiếp tục phối hợp triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển các ứng dụng để phục vụ cho Hệ thống thông tin của huyện. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các đơn vị cấp huyện, xã bao gồm: Nâng cấp, bổ sung máy tính, máy in, máy quét và các máy tính chuyên dùng theo các đặc thù cụ thể của mỗi cơ quan, đơn vị.

Duy trì, mở rộng, nâng cấp Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp huyện, xã. Tiếp tục triển khai sử dụng chữ ký số.

3. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, các quy định trong lĩnh vực kinh tế số trên địa bàn huyện nhằm tạo môi trường giao dịch thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp qua kênh số, phương thức điện tử.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết về các ứng dụng kỹ thuật số, các biện pháp hạn chế rủi ro khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử.

Tham gia các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số phát triển Chính phủ số do tỉnh tổ chức.

4. Phối hợp triển khai hệ thống ứng dụng CNTT thuận lợi trên thiết bị di động thông minh để hỗ trợ phổ biến đường lối chính sách, pháp luật; giáo dục về giới tính, nhân quyền, bình đẳng giới, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho đồng bào dân tộc thiểu số; cung cấp thông tin hướng nghiệp, việc làm phù hợp với trình độ, nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông để mở các lớp tập huấn triển khai chuyển đổi số cho các xã thị trấn còn lại và tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn toàn huyện.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để triển khai tốt công tác chuyển đổi số trong thời gian tới đề nghị các doanh nghiệp Viễn thông – CNTT, nhất là các Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phải đẩy mạnh việc nâng cấp, đầu tư phủ sóng mạng 5G và tổ chức triển khai nhiều hoạt động liên kết, giới thiệu, đồng hành với các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện nhằm thúc đẩy công tác chuyển đổi số.

Sở TT&TT Thanh Hóa và đơn vị đi đầu, định hướng và hướng dẫn các huyện những nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số. Nhất là những tiêu chí bắt buộc cần triển khai thực hiện để đặt nền móng vững chắc trong chuyển đổi số của các địa phương.

Đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa tăng cường thêm các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức, nhận thức chuyển đổi số, đồng thời tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số của huyện, xã.

Năm 2023 UBND huyện Yên Định có kế hoạch xây dựng 1 xã thông minh. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa quan tâm để hướng dẫn thực hiện mô hình xã thông minh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023, phương hướng nhiệm vụ quý III năm 2023 trên địa bàn huyện Yên Định. UBND huyện Yên Định báo cáo kết quả về Sở thông tin và Truyền thông Thanh Hóa, UBND tỉnh Thanh Hóa, Ông Lưu Trọng Quang - Phó GD Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa (Thành viên BCĐ CDS tỉnh phụ trách huyện Yên Định) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh
 - Sở Thông tin và Truyền thông
 - Thường trực HU
 - Ông Lưu Trọng Quang - Phó G
 - Sở Tài nguyên và Môi trường
 - Thành viên BCĐ CDS (đề biết);
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT, VHHT.
- (đề b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Thành

Phụ lục
CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

TT	Tên hồ sơ	Số, ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành
1	Nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện	Số 32 /KH-UBND ngày 21/2/2022
2	Thành lập các “Tổ công nghệ số cộng đồng” trên địa bàn huyện Yên Định	Số 41/KH-UBND ngày 11/3/2022
3	Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Số 1264/QĐ-UBND ngày 28/4/2022
4	Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Yên Định.	Số 106/KH-UBND ngày 01/7/2022
5	Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023	Số 169/KH-UBND ngày 21/11/2022
6	Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện.	Số 4351/QĐ-UBND ngày 26/11/2022
7	Phân công nhiệm vụ các thành viên BCD chuyển đổi số huyện Yên Định.	Số 08/QĐ-BCĐ ngày 12/12/2022
8	Kiện toàn Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2023.	Số 01/QĐ-BCĐ ngày 16/01/2023
9	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn huyện năm 2023	Số 35/KH-UBND ngày 17/2/2023
10	Giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã năm 2023 trên địa bàn huyện.	Số 727/UBND-VHTT ngày 10/3/2023
11	Phân công phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí hoàn thành và các chỉ số đánh giá xếp hạng chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn huyện.	Số 04 /UBND-VHTT ngày 14/3/2023
12	Đơn đốc thực hiện, báo cáo kết quả hoàn thành chuyển đổi số năm 2023	Số 800/UBND-VHTT ngày 17/3/2023
13	Tiếp tục triển khai thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở năm 2023.	Số 790/UBND-VHTT ngày 17/3/2023
14	Kiểm tra thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023	Số 62/KH-UBND ngày 20/3/2023
15	Tập huấn về chuyển đổi số cho Ban chuyển đổi số,	Số 1155/UBND-VHTT

	Tổ Công nghệ số Cộng đồng năm 2023.	ngày 12/4/2023
16	Kiến toàn loại BCD chuyển đổi số, Tổ Công nghệ số Cộng đồng các xã, thị trấn năm 2023.	Số 1498/UBND-VHTT ngày 09/5/2023
17	Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Yên Định đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.	Số 100/KH-UBND ngày 16/5/2023
18	Kế hoạch Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2023.	Số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023
19	Thành lập Đoàn kiểm tra chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023.	Số 06/QĐ-BCĐ ngày 23/5/2023
20	Hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023.	Số 08/BCĐ ngày 05/6/2023
21	Rà soát, báo cáo các chỉ tiêu, tiêu chí chuyển đổi số do phòng, đơn vị phụ trách.	Số 09/BCĐ ngày 06/6/2023
22	Báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023	Số 10/BCĐ ngày 07/6/2023
23	Triển khai thực hiện bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện đến năm 2025.	Số 2127/UBND-VHTT ngày 20/6/2023
24	Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Yên Định	Số 120/KH-UBND ngày 16/6/2023
25	Thực hiện nhập dữ liệu hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn huyện Yên Định	Số 126/KH-UBND ngày 22/6/2023

Phụ lục 1
Kết quả chuyển đổi số cấp huyện theo công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 020/3/2023
(Quý I)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu giao	Kết quả đạt được	Khó khăn; đề xuất
1	Yêu cầu chung			
1.1	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số	100%	15,4%	
2	Chính quyền số			
2.1	Triển khai hệ thống thông tin CSDL tổng hợp cấp huyện, cấp xã	Có	Có	
2.2	Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của Tỉnh và Quốc gia	100%	100%	
2.3	Tỷ lệ các cuộc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	40%	Một số xã, thị trấn chậm thực hiện
2.4	Tỷ lệ dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	100%	100%	
2.5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính	90%	100%	
2.6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.	100%	99%	Kỹ năng tiếp cận, sử dụng của người dân còn hạn chế

TT	Nội dung	Chỉ tiêu giao	Kết quả đạt được	Khó khăn; đề xuất
2.7	Có Trung tâm điều hành thông minh phù hợp với cấp huyện. <i>(phụ thuộc vào điều kiện KT-XH của các đơn vị để đầu tư)</i>		Chưa có	
3	Kinh tế số			
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp chuyển đổi số	50%	45%	
3.2	<i>Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề, hộ kinh doanh được tiếp cận</i> chương trình hỗ trợ chuyển đổi số	100%	100%	
3.3	<i>Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP đưa lên sàn thương mại điện tử và được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc</i>	Sản phẩm	9 Sản phẩm	
4	Xã hội số			
4.1	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ di động 4G/5G	26/26 xã/thị trấn	100%	
4.2	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	80%	Trên 80%	
4.3	Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực trên địa bàn		Đang triển khai	Cần có giải pháp đồng bộ

Phụ lục 2**Kết quả chuyển đổi số tại đơn vị cấp xã theo công văn số 2115/STTTT-CNTT ngày 20/03/2023.****(Quý I)**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
1	Chính quyền số				
1.1	Cán bộ, công chức xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp	%	100%	80%	Một số cán bộ cao tuổi không có thói quen sử dụng.
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	%	100%	99,86%	
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định)	%	100%	99,87%	
1.4	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử	%	100%	99,56%	
1.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến	%	60%	98,86%	
1.6	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua công nghệ số	Kênh giao tiếp	Có	Có	
1.7	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả	Hệ thống	Có	Có	
1.8	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông	Nền tảng	Triển khai sử dụng	Đã triển khai	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Có trang	Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định	Có 27/26 cổng/ trang TTĐT hoạt động	
1.10	Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về Chuyển đổi số theo từng giai đoạn và hàng năm	Văn bản	Có Kế hoạch, Văn bản quy định khác,	Có	
1.11	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%	100%	46,15%	Một số xã chậm thực hiện.
2	Kinh tế số				
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	%	100%	100%	
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	%	100%	100%	
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.	%	100%	75%	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến	%	50%	Trên 50%	
2.5	Nhà ở, cá nhân hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn cấp xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số	%	100%	- Triển khai theo hướng dẫn	- Chờ hướng dẫn của Sở TT&TT
2.6	Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ sản xuất, kinh doanh có ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh	%	50%	Trên 50%	
3	Xã hội số				
3.1.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được thông tin, phổ biến, đào tạo về các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số (y tế, giáo dục, ...).	%	50%	Trên 60%	
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	60%	Trên 60%	
3.3	Người dân được thông tin, tuyên truyền để bảo vệ an toàn thông tin trên môi trường mạng.	Tin, bài	Có nội dung tuyên truyền, hội nghị	Có tin, bài tuyên truyền	
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	60%	Trên 60%	
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	60%	95,91%	
4	Hạ tầng và nền tảng số				
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được phủ đến các hộ gia đình	%	100%	100%	
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã được kết nối vào đường truyền số liệu chuyên dùng	Kết nối	Sử dụng	- Triển khai theo hướng dẫn	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	%	100%	100%	
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống	Có	Có	
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát	Số lượng	159 điểm phát Wifi tại các xã/thị trấn.	Một số xã chưa bố trí được ngân sách lắp đặt.
4.6	Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Hệ thống	Có	Có (17 hệ thống/290 điểm/694 mắt được lắp đặt tại 17 xã, thị trấn)	Một số xã chưa bố trí được ngân sách lắp đặt.
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Đài	Có	Chưa có	Chưa bố trí được kinh phí để nâng cấp, thay thế.
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Điểm	Có	Có (27 điểm/26 xã, thị trấn)	